

BỘ TÀI CHÍNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 505 /BTC-QLN

V/v Góp ý đối với dự thảo Hồ sơ
Nghị định quy định về viện trợ
của Việt Nam cho nước ngoài.

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng; Ủy ban Quốc phòng, An ninh và Đối ngoại của Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Ngoại giao, Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Công an, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện kết luận chỉ đạo của Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn tại văn bản số 96/TB-VPCP ngày 10/3/2025 của Văn phòng Chính phủ về việc xây dựng dự thảo Nghị định quy định về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài (sau đây gọi tắt là "Nghị định"), Bộ Tài chính đề nghị quý Cơ quan như sau:

1. Nghiên cứu, cho ý kiến đối với dự thảo Hồ sơ trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định (được gửi kèm các dự thảo: Tờ trình Chính phủ; Nghị định; Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo kết quả đánh giá tác động thủ tục hành chính; Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp; Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình góp ý các cơ quan của Bộ Tài chính);

Văn bản cho ý kiến của quý Cơ quan đề nghị gửi cho Bộ Tài chính trước ngày 24/4/2025. Quá thời hạn này không nhận được trả lời, Bộ Tài chính hiểu rằng quý Cơ quan nhất trí với nội dung dự thảo Hồ sơ Nghị định.

2. Văn phòng Chính phủ: Hỗ trợ đăng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ dự thảo Hồ sơ trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định trên đây.

Bộ Tài chính cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLĐT; Các Vụ: NSNN, PC, ĐT, KTDP, VI: Để cho ý kiến;
- VPB; Cục CNTT: Để đăng dự thảo Hồ sơ Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLN (2). 



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về Nghị định quy định về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2020 của Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 3512/VPCP-QHQT ngày 18/12/2020 của Văn phòng Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại văn bản số 167/TB-VPCP ngày 05/10/2023 của Văn phòng Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn tại văn bản số 96/TB-VPCP ngày 10/3/2025 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Dự thảo Nghị định quy định về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài.

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Tài chính trình Chính phủ dự thảo Hồ sơ ban hành Nghị định quy định về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Từ lúc còn là nước nghèo cho đến khi trở thành nước có thu nhập trung bình thấp và hiện nay, viện trợ của Việt Nam dành cho một số bên tiếp nhận viện trợ, nhất là các nước láng giềng có quan hệ truyền thống đặc biệt, được duy trì tương đối ổn định, liên tục trong nhiều năm qua, thể hiện tinh thần đoàn kết, trách nhiệm quốc tế của Đảng và Nhà nước ta, trợ giúp hữu hiệu các nước bạn trong việc khắc phục khó khăn và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao vị thế, vai trò quốc tế của Việt Nam, đảm bảo an ninh biên giới, ổn định chính trị, thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư và cùng cố, phát triển, mở rộng quan hệ hữu nghị tốt đẹp với các nước...

Về cơ bản, viện trợ của Việt Nam ra nước ngoài được các bộ, ngành, địa phương cung cấp, quản lý, triển khai, sử dụng đúng mục đích, phát huy được tác

dụng nhất định. Tuy nhiên, nguồn lực của Việt Nam có hạn nên quy mô viện trợ của ta còn nhỏ, hoạt động viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài mặc dù đã đạt được những kết quả cụ thể song bộc lộ một số hạn chế, bất cập dẫn đến hiệu quả chưa cao về chính trị - đối ngoại và kinh tế - xã hội. Một nguyên nhân chính của thực trạng này là chưa có quy định pháp lý, cơ chế và đầu mối quản lý, điều phối tổng thể thống nhất, cụ thể, rõ ràng về cung cấp viện trợ cho nước ngoài.

Hiện chưa có luật pháp, quy định riêng cho cung cấp, quản lý viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài. Việc lập dự toán, bố trí, cung cấp, quản lý, triển khai viện trợ cho nước ngoài phải dựa trên các luật pháp, quy định có liên quan (như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu thầu, Luật Xây dựng, Luật Quản lý ngoại hối, Luật Điều ước quốc tế...) và các điều ước quốc tế, thoả thuận, hiệp định, nghị định thư... ký kết với nước nhận viện trợ. Luật Ngân sách nhà nước và nghị định hướng dẫn chi quy định một số ít nội dung về viện trợ cho nước ngoài (Luật Ngân sách Nhà nước chỉ quy định phạm vi và lập dự toán chi ngân sách nhà nước bao gồm viện trợ và Nghị định số 163/2016/ND-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước chỉ quy định về chi viện trợ cho nước ngoài từ ngân sách trung ương); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024 (Luật số 56/2024/QH15 đã quy định nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương bao gồm chi viện trợ).

Với thế và lực của Việt Nam ngày càng được củng cố và nâng cao, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh sâu rộng trong nhiều lĩnh vực, quan hệ với các nước láng giềng, các nước có quan hệ truyền thống đặc biệt và các đối tác tiềm năng cần tiếp tục được củng cố, phát triển và mở rộng, việc cung cấp viện trợ cho nước ngoài phù hợp với khả năng ngân sách, hoàn cảnh, điều kiện của đất nước và xu thế chung của thế giới là cần thiết, song hành cùng nâng cao chất lượng, hiệu quả viện trợ và giải quyết các hạn chế, vướng mắc. Thực tế này cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải sử dụng viện trợ cho nước ngoài như một công cụ quan trọng phục vụ các mục tiêu chính trị - đối ngoại và kinh tế - xã hội, mở đường cho hàng hóa, dịch vụ và đầu tư của Việt Nam sang các thị trường.

Trong bối cảnh như vậy, việc ban hành Nghị định về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài có ý nghĩa quan trọng và có tác dụng tích cực tới việc thực hiện chính sách đối ngoại, ổn định chính trị, an ninh và phát triển kinh tế - xã hội.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ DẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích

Nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về cung cấp viện trợ cho nước ngoài từ ngân sách nhà nước với quy trình, thủ tục minh bạch, đơn giản, rõ ràng, chặt chẽ; xác định cơ quan đầu mối quốc gia cụ thể về quản lý viện trợ cho

nước ngoài; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan; đảm bảo hiệu quả, tác dụng của chi ngân sách cho viện trợ, góp phần đưa viện trợ nước ngoài của Việt Nam thành công cụ sắc bén, hiệu quả trong thực hiện đường lối đối ngoại, ổn định chính trị, giữ vững an ninh, quốc phòng của đất nước, nâng cao vị thế khu vực và quốc tế của Việt Nam.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Việc cung cấp viện trợ cho nước ngoài là bộ phận của chính sách đối ngoại của Việt Nam nhằm bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi và phù hợp với khả năng ngân sách, điều kiện nguồn lực của Việt Nam.

- Xác định mục tiêu đem lại lợi ích kinh tế, vật chất cụ thể cho Việt Nam thông qua mở đường cho doanh nghiệp Việt Nam thâm nhập thị trường và mở rộng hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư với nước nhận viện trợ; quảng bá về đất nước, con người, lịch sử, văn hoá Việt Nam; thu được kết quả từ việc cung cấp và sử dụng hàng hoá, dịch vụ, áp dụng và thử nghiệm kỹ thuật, công nghệ tại nước nhận viện trợ để hoàn thiện, mở rộng năng lực và trình độ chuyên môn trong nước, qua đó có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam.

- Hoàn thiện, chuẩn hóa quy trình, thủ tục với quy định có tính khả thi cao và ổn định, phù hợp với chuẩn mực, thông lệ chung và xu thế cung cấp viện trợ phát triển của thế giới, đáp ứng yêu cầu hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

- Thống nhất đầu mối và chuyên môn hoá công tác quản lý, phối hợp trong việc cung cấp viện trợ cho nước ngoài của Việt Nam.

- Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của Nghị định với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Phù hợp, kế thừa các thỏa thuận về viện trợ của Việt Nam cho một số quốc gia.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2020; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 3512/VPCP-QHQT ngày 18/12/2020 của Văn phòng Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trần Lưu Quang tại văn bản số 167/TB-VPCP ngày 05/10/2023 của Văn phòng Chính phủ; ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn tại văn bản số 96/TB-VPCP ngày 10/3/2025 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã tiến hành xây dựng Dự thảo hồ sơ ban hành Nghị định theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, Nghị định số 34/2016/ND-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy

phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã quyết định thành lập và tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ Biên tập (tại các Quyết định số 252/QĐ-BKHĐT ngày 08/4/2020, số 276/QĐ-BKHĐT ngày 10/6/2021, số 253/QĐ-BKHĐT ngày 08/4/2020) với thành viên từ các cơ quan có liên quan (Văn phòng Trung ương Đảng; Ban Đối ngoại Trung ương; Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội; Văn phòng Chính phủ; các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an, Quốc phòng, Y tế); xây dựng dự thảo Hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định và lấy ý kiến các cơ quan có liên quan; gửi Bộ Tư pháp thẩm định trong các năm 2020-2021.

2. Bộ Tư pháp đã chủ trì, tổ chức Hội nghị thẩm định ngày 29/12/2021 và có Báo cáo thẩm định số 31/BCTĐ-BTP-m ngày 14/01/2022 đối với dự thảo Hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định.

3. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Phạm Bình Minh tại văn bản số 3512/VPCP-QHQT ngày 18/12/2020 của Văn phòng Chính phủ; góp ý của các cơ quan có liên quan; thẩm định của Bộ Tư pháp; ý kiến của các thành viên Chính phủ năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Hồ sơ ban hành Nghị định và trình Chính phủ ban hành tại các Tờ trình số 842/TTr-BKHĐT ngày 10/12/2021, số 481/TTr-BKHĐT ngày 02/8/2022; báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 555/BKHĐT-KTDN ngày 28/7/2023 và số 734/BC-BKHĐT ngày 28/9/2023.

4. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang tại cuộc họp ngày 29/9/2023 và văn bản số 167/TB-VPCP ngày 05/10/2023 của Văn phòng Chính phủ¹, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lấy ý kiến các cơ quan liên quan và cập nhật, hoàn thiện dự thảo Nghị định, giải trình việc tiếp thu góp ý và các ý kiến còn khác biệt và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản số 4242/BKHĐT-KTDN ngày 03/6/2024; số 194/BKHĐT-KTDN ngày 08/01/2025; số 721/BKHĐT-KTDN ngày 24/01/2025; số 1032/BKHĐT-KTDN ngày 13/02/2025; số 1113/BKHĐT-KTDN ngày 14/02/2025.

¹ - Ban hành và thực hiện Nghị định không theo mức độ không Mật.

- Không đưa lĩnh vực quốc phòng - an ninh vào Nghị định.

- Về kế hoạch viện trợ 05 năm, kế hoạch viện trợ hằng năm; viện trợ sử dụng ngân sách địa phương: Rà soát, đánh giá các nội dung đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư căn cứ ý kiến của các thành viên Chính phủ, ý kiến phát biểu của các đại biểu dự họp để cập nhật và hoàn thiện dự thảo Nghị định đảm bảo chặt chẽ, khả thi, đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Giao Bộ Tài chính xây dựng nội dung về quản lý tài chính viện trợ.

5. Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn tại cuộc họp ngày 06/3/2025 và văn bản số 96/TB-VPCP ngày 10/3/2025 của Văn phòng Chính phủ², Bộ Tài chính đã bổ sung nội dung quy định về chi viện trợ từ ngân sách địa phương; lấy ý kiến các cơ quan có liên quan và hoàn thiện dự thảo Hồ sơ trình Chính phủ ban hành Nghị định gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

6. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp (sẽ bổ sung sau), Bộ Tài chính đã nghiên cứu, rà soát, tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Hồ sơ Nghị định để trình Chính phủ xem xét, ban hành theo quy định pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục

Dự thảo Nghị định quy định về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài gồm có 07 chương, 84 điều, 03 phụ lục.

- Chương I - Những quy định chung (09 điều): Quy định về phạm vi, đối tượng, giải thích từ ngữ; hình thức, phương thức, phương pháp thực hiện viện trợ; đối tác, lĩnh vực ưu tiên, nguyên tắc; quy trình...

- Chương II - Báo cáo đề xuất cấp viện trợ, Quyết định chủ trương viện trợ và Quyết định viện trợ (20 điều): Quy định trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp, trong đó có trường hợp rút gọn.

- Chương III - Hỗ trợ bên tiếp nhận viện trợ chuẩn bị tiếp nhận viện trợ và ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận về viện trợ, trao đổi văn bản về viện trợ (8 điều): Quy định về việc hỗ trợ bên tiếp nhận viện trợ chuẩn bị tiếp nhận viện trợ và nguyên tắc, yêu cầu, trình tự, thủ tục đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thoả thuận về viện trợ, trao đổi văn bản về viện trợ.

- Chương IV - Lập, bố trí, triển khai và quản lý đề án, kế hoạch viện trợ (19 điều): Quy định về quy trình, thủ tục lập, phê duyệt, bố trí, giao, thực hiện, báo cáo... đề án viện trợ 05 năm và kế hoạch viện trợ hằng năm.

- Chương V - Quản lý và thực hiện chương trình, dự án, phi dự án (16 điều): Quy định về quy trình, thủ tục tổ chức, triển khai quản lý, thực hiện; báo cáo, hoàn thành, nghiệm thu và bàn giao kết quả chương trình, dự án, phi dự án viện trợ.

- Chương VI - Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong cung cấp và quản lý viện trợ cho nước ngoài (09 điều): Quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp; cơ quan chủ quản; Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

² Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp, nghiên cứu tiếp thu ý kiến của các cơ quan liên quan, rà soát kỹ, hoàn thiện nội dung dự thảo Nghị định, trong đó cần nhắc việc bổ sung nội dung chi viện trợ từ ngân sách địa phương vào dự thảo Nghị định, đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và không định rõ về thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục theo quy định.

- Chương VII - Điều khoản thi hành (03 điều): Quy định về tổ chức thực hiện, xử lý chuyển tiếp và hiệu lực thi hành.

2. Nội dung cơ bản

a) Về phạm vi và nguồn viện trợ:

Quy định, hướng dẫn cụ thể việc chi viện trợ từ ngân sách trung ương (NSTW) và ngân sách địa phương cấp tỉnh, cụ thể như sau:

- Chi viện trợ trong dự toán NSTW và ngân sách địa phương cấp tỉnh hằng năm: Đối với các chương trình, dự án, phi dự án đã được phê duyệt và đủ điều kiện để bố trí ngân sách khi lập dự toán ngân sách hằng năm.

- Sử dụng dự phòng NSTW hằng năm cho chi viện trợ: Đối với dự án, phi dự án đột xuất và những trường hợp cần thiết khác.

- Không bao gồm: các khoản niên liễm, các khoản đóng góp có tính tự nguyện, nghĩa vụ hoặc có tính niên liễm của Việt Nam cho tổ chức, khuôn khổ, diễn đàn hợp tác quốc tế và khu vực mà Việt Nam là thành viên; các khoản viện trợ cho nước ngoài trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh

b) Về ưu tiên viện trợ:

- Đối tác, lĩnh vực ưu tiên cung cấp viện trợ:

+ Theo địa lý: quốc gia, vùng lãnh thổ có quan hệ truyền thống đặc biệt, chung biên giới, có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam.

+ Theo lĩnh vực: Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; lĩnh vực có ý nghĩa chiến lược đối với Việt Nam và liên quan đến xuyên biên giới; lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh và đã thành công; xây dựng luật pháp, quy định, chính sách.

- Ưu tiên về hình thức viện trợ và phương thức thực hiện viện trợ: Viện trợ do phía Việt Nam trực tiếp thực hiện và chuyển giao kết quả cho bên tiếp nhận viện trợ.

- Ưu tiên sử dụng hàng hoá, dịch vụ, kỹ thuật, nhân lực và nhà thầu của Việt Nam:

+ Việc sử dụng hàng hoá, dịch vụ, kỹ thuật, nhân lực và nhà thầu của nước ngoài chỉ áp dụng trong trường hợp Việt Nam không thể đáp ứng hoặc để đảm bảo hiệu quả và an toàn cao nhất về chính trị - ngoại giao, quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội và con người.

+ Thể hiện ưu tiên này trong điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế và lưu ý thực hiện trong quá trình lựa chọn nhà thầu, đơn vị thực hiện chương trình, dự án, phi dự án.

c) Về hình thức, phương thức viện trợ và phương thức thực hiện viện trợ:

- Hình thức: đầu tư xây dựng, hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp hàng hóa, viện trợ bằng tiền.

- Phương thức: chương trình, dự án, phi dự án.
- Phương thức thực hiện viện trợ: Việt Nam trực tiếp thực hiện; Việt Nam chuyển tiền cho bên tiếp nhận viện trợ tự thực hiện; Cả hai phương thức.

d) Về nguyên tắc cung cấp và quản lý viện trợ:

- Viện trợ là bộ phận và công cụ thực hiện chính sách đối ngoại, được quản lý thống nhất, công khai, minh bạch, hiệu quả, chất lượng; phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, quy định; phù hợp với mục tiêu, ưu tiên, lợi ích và khả năng cân đối nguồn lực, ngân sách; ưu tiên sử dụng hàng hóa, dịch vụ, kỹ thuật, nhân lực và nhà thầu của Việt Nam...

- Việc cung cấp và quản lý viện trợ cho nước ngoài được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

d) Về quy trình, thủ tục chung: Bao gồm những bước sau đây:

- Tổng hợp và lựa chọn danh mục Báo cáo đề xuất cấp viện trợ.
- Lập, thẩm định, quyết định chủ trương viện trợ.
- Lập, thẩm định, quyết định viện trợ.
- Thông báo, trao đổi, thống nhất với bên tiếp nhận viện trợ về những nội dung, yêu cầu cơ bản của viện trợ từ Việt Nam; hỗ trợ bên tiếp nhận viện trợ hoàn tất hồ sơ, thủ tục tiếp nhận viện trợ từ Việt Nam theo quy định của Việt Nam và bên tiếp nhận viện trợ.
- Thực hiện đàm phán, ký điều ước quốc tế, thoả thuận về viện trợ; trao đổi văn bản về viện trợ với bên tiếp nhận viện trợ.
- Lập, bố trí kế hoạch viện trợ.
- Quản lý thực hiện và quản lý tài chính chương trình, dự án, phi dự án viện trợ.
- Điều chỉnh viện trợ (nếu cần).
- Theo dõi, giám sát, đánh giá, báo cáo và thanh tra, kiểm toán.
- Hoàn thành, nghiệm thu và chuyển giao kết quả.

e) Quy trình, thủ tục phê duyệt rút gọn:

- Áp dụng đối với viện trợ đột xuất (viện trợ nhân đạo và viện trợ quà tặng cần khẩn trương triển khai); phi dự án đào tạo theo kế hoạch năm để đảm bảo kịp thời, hiệu quả và đơn giản hoá thủ tục.

- Đối với viện trợ đột xuất:

+ Sử dụng ngân sách trung ương: Bộ Ngoại giao là đầu mối trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Báo cáo đề xuất cấp viện trợ và bố trí kế hoạch viện trợ để thực hiện.

+ Sử dụng ngân sách địa phương: Không phải thực hiện bước Báo cáo đề xuất cấp viện trợ.

+ Cơ quan chủ quản thẩm định, phê duyệt Quyết định viện trợ để triển khai thực hiện (đối với dự án, phi dự án không cần quyết định chủ trương viện trợ).

- Đối với phi dự án đào tạo theo kế hoạch năm (đào tạo sinh viên, cán bộ Lào là trường hợp điển hình): Căn cứ Danh mục Báo cáo đề xuất cấp viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chủ quản trao đổi, thống nhất với bên tiếp nhận viện trợ về chỉ tiêu đào tạo, cơ cấu theo ngành, lĩnh vực và thời hạn đào tạo của phi dự án đào tạo theo kế hoạch năm; trên cơ sở đó lập và giao kế hoạch viện trợ đào tạo trong Kế hoạch viện trợ hằng năm (Được bỏ qua các bước thủ tục phê duyệt Quyết định chủ trương viện trợ và phê duyệt Quyết định viện trợ).

g) Thẩm quyền phê duyệt viện trợ:

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: Danh mục Báo cáo đề xuất cấp viện trợ sử dụng ngân sách trung ương; Quyết định chủ trương viện trợ chương trình, viện trợ 500 tỷ đồng trở lên.

- Cơ quan chủ quản:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục Báo cáo đề xuất cấp viện trợ sử dụng ngân sách địa phương.

+ Thẩm định, phê duyệt Quyết định viện trợ (trường hợp dự án, phi dự án thuộc thẩm quyền của cơ quan chủ quản).

h) Về ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về viện trợ:

- Quy định rõ trường hợp, yêu cầu cần ký kết điều ước quốc tế và thỏa thuận về viện trợ.

- Xây dựng quy trình, thủ tục cụ thể đối với thỏa thuận về viện trợ do nội dung này chưa được quy định tại pháp luật hiện hành.

- Quy định về cơ quan ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về viện trợ:

+ Bộ Tài chính là cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về viện trợ về chiến lược, chính sách, khuôn khổ hợp tác, lĩnh vực ưu tiên; mục tiêu, nguyên tắc và điều kiện cần tuân thủ; cam kết viện trợ; nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền hạn của các bên và những nội dung khác cho một giai đoạn, cho một tập hợp chương trình, dự án, phi dự án hay một chương trình, dự án, phi dự án cụ thể; quy chế quản lý và nghiệp vụ tài chính, giải ngân, thanh toán, quyết toán viện trợ.

+ Cơ quan chủ quản là cơ quan đề xuất đàm phán, ký kết thỏa thuận về viện trợ liên quan đến một tập hợp chương trình, dự án, phi dự án hay một chương trình, dự án, phi dự án cụ thể.

- Quy định trường hợp trao đổi văn bản viện trợ khi không yêu cầu hoặc không cần thiết ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận về viện trợ.

i) Về đề án, kế hoạch viện trợ:

- Đề án viện trợ 05 năm:

+ Không quy định về dự toán/kế hoạch 05 năm chi ngân sách nhà nước cho viện trợ nước ngoài, đảm bảo đúng quy định tại Luật Ngân sách nhà nước (chỉ quy định về chi viện trợ hằng năm từ ngân sách nhà nước).

+ Giúp tạo khung khổ, định hướng quản lý, cung cấp viện trợ cho một giai đoạn 05 năm của quốc gia bao gồm nội dung đánh giá kết quả thực hiện 05 năm giai đoạn trước; mục tiêu, định hướng, ưu tiên; dự kiến kết quả và giải pháp thực hiện cung cấp viện trợ cho nước ngoài.

+ Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, Kế hoạch tài chính 05 năm, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định Đề án viện trợ 05 năm của quốc gia.

- Kế hoạch viện trợ hằng năm sử dụng ngân sách trung ương (tương ứng với dự toán chi viện trợ hằng năm từ ngân sách trung ương theo Luật Ngân sách nhà nước):

+ Thẩm quyền: Quốc hội phê duyệt tổng dự toán viện trợ hằng năm và dự toán viện trợ hằng năm từng cơ quan chủ quản sử dụng ngân sách trung ương (để đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước quy định chi tiết việc Quốc hội phê duyệt dự toán chi viện trợ hằng năm sử dụng ngân sách trung ương cho từng cơ quan cấp trung ương).

+ Căn cứ dự kiến kế hoạch viện trợ hằng năm của cơ quan chủ quản, Bộ Tài chính tổng hợp báo cáo Chính phủ để Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt: Dự toán tổng mức kế hoạch viện trợ năm sau; Phân bổ chi tiết tổng mức kế hoạch viện trợ năm sau theo từng cơ quan chủ quản.

+ Thủ tướng Chính phủ giao, điều chỉnh, bổ sung hạn mức kế hoạch viện trợ hằng năm cho cơ quan chủ quản và quyết định sử dụng dự phòng NSTW hằng năm cho chi viện trợ khi cần thiết (viện trợ đột xuất).

+ Cơ quan chủ quản phân bổ kế hoạch viện trợ hằng năm được giao cho dự án, phi dự án viện trợ và cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Kế hoạch viện trợ hằng năm sử dụng ngân sách địa phương cấp tỉnh (tương ứng với dự toán chi viện trợ hằng năm từ ngân sách địa phương cấp tỉnh theo Luật số 56/2024/QH15): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập kế hoạch viện trợ sử dụng ngân sách địa phương năm sau báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

- Không phân biệt giữa kế hoạch viện trợ có tính chất chi đầu tư và kế hoạch viện trợ có tính chất chi thường xuyên do Luật Ngân sách nhà nước quy định chi viện trợ là một khoản chi ngân sách nhà nước (bên cạnh chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên và các khoản chi khác) và không phân định thành phần của chi viện trợ. Đồng thời, để đảm bảo nguyên tắc tập trung đầu mối trong quản lý và lập đề án, kế hoạch viện trợ, việc xây dựng và trình các cấp có thẩm quyền

quyết định đề án viện trợ 05 năm và kế hoạch viện trợ hằng năm do Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện.

k) Về quản lý và thực hiện viện trợ:

- Thực hiện trên nguyên tắc phân cấp cho cơ quan chủ quản, chủ viện trợ chủ động, linh hoạt triển khai và nhấn mạnh việc theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá và báo cáo kết quả; Giám tối thiểu quy trình, thủ tục đối với những dự án, phi dự án chuyển tiền cho bên tiếp nhận viện trợ tự thực hiện và dự án, phi dự án đơn giản, quy mô nhỏ.

- Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm chung trong việc lựa chọn mô hình tổ chức quản lý thực hiện; quyết định và giao nhiệm vụ cho chủ viện trợ, Ban quản lý viện trợ; phê duyệt các kế hoạch thực hiện; chỉ đạo công tác đầu thầu, giám sát, đánh giá...

- Chủ viện trợ chịu trách nhiệm triển khai các nhiệm vụ quản lý, thực hiện viện trợ được cơ quan chủ quản giao.

- Ban Quản lý viện trợ triển khai các hoạt động, nghiệp vụ cụ thể được cơ quan chủ quản và chủ viện trợ giao.

- Đối với thủ tục đầu thầu để thực hiện chương trình, dự án, phi dự án viện trợ do Việt Nam thực hiện và chuyển giao cho bên tiếp nhận viện trợ; Tổ chức đầu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật đầu thầu như đối với các chương trình, dự án, phi dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

V. TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN VÀ TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Ý kiến góp ý của các cơ quan

Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được ý kiến góp ý cho bản dự thảo cuối của Nghị định từ một số bộ, cơ quan. Nội dung tiếp thu và giải trình ý kiến các cơ quan liên quan được nêu tại Bản tổng hợp giải trình, tiếp thu góp ý của các cơ quan gửi kèm theo Tờ trình này.

2. Tiếp thu và giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp tại văn bản số 31/BCTD-BTP-m ngày 14/01/2022 và số ngày, Bộ Tài chính đã nghiên cứu, tiếp thu và giải trình theo các ý kiến. Nội dung chi tiết được đề cập tại Báo cáo tiếp thu và giải trình theo ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 31/BCTD-BTP-m ngày 14/01/2022 của Bộ Tư pháp gửi kèm theo Tờ trình này.

Trên đây là Tờ trình về Nghị định quy định về viện trợ của Việt Nam cho nước ngoài, đồng thời xin được gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Nghị định;

(2) Báo cáo kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Dự thảo Nghị định;

(3) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách có liên quan đến Dự thảo Nghị định;

(4) Báo cáo kết quả đánh giá tác động thủ tục hành chính tại Dự thảo Nghị định;

(5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến tại Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định của Bộ Tư pháp;

(6) Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình góp ý của các cơ quan.

Bộ Tài chính kinh trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (kèm hồ sơ);
- TTCP;
- PTTg Bùi Thanh Sơn;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- VPTW Đảng; UBQPANDNQH; VPCP; NHNNVN;
- Các Bộ: NG; TP; KHCH; GDDT; NNMT; CA; QP; YT; XD;
- Cục QLDT;
- Các Vụ: NSNN; PC; DT;
- Lưu: VT, QL.N.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi